

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
hợp nhất quý 4 năm 2025

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ 4 NĂM 2024	QUÝ 4 NĂM 2025	CHÊNH LỆCH	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	457.523.525.738	302.350.509.336	(155.173.016.402)	66,08
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	787.442.741	689.285.246	(98.157.495)	87,53
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	10	456.736.082.997	301.661.224.090	(155.074.858.907)	66,05
4	Giá vốn hàng bán	11	278.135.364.424	184.636.044.232	(93.499.320.192)	66,38
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	178.600.718.573	117.025.179.858	(61.575.538.715)	65,52
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	30.601.236.839	30.376.783.690	(224.453.149)	99,27
7	Chi phí tài chính	22	3.556.019.755	690.696.530	(2.865.323.225)	19,42
	Trong đó : Chi phí lãi vay	23			-	
8	Chi phí bán hàng	24	6.511.875.806	4.588.122.445	(1.923.753.361)	70,46
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	74.190.829.939	72.545.234.248	(1.645.595.691)	97,78
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30	124.943.229.912	69.577.910.325	(55.365.319.587)	55,69
11	Thu nhập khác	31	11.971.442.608	26.179.958.396	14.208.515.788	218,69
12	Chi phí khác	32	5.512.620.362	2.181.242.204	(3.331.378.158)	39,57
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.458.822.246	23.998.716.192	17.539.893.946	371,56
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	50	131.402.052.158	93.576.626.517	(37.825.425.641)	71,21
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9.894.486.948	19.275.642.081	9.381.155.133	194,81
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	136.854.898	11.907.689	(124.947.209)	8,70
17	Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	121.370.710.312	74.289.076.747	(47.081.633.565)	61,21
18	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	92.417.688.294	60.798.231.298	(31.619.456.996)	65,79
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	28.953.022.018	13.490.845.449	(15.462.176.569)	46,60
20	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	1.064	700		
21	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	1.064	700		

Giải Trình:

Trong Quý IV/2024: Sản lượng tiêu thụ là: 4.583,52 tấn; Giá bán bình quân: 53.455.129 VND/tấn.

Trong Quý IV/2025: Sản lượng tiêu thụ là: 2.836,50 tấn; Giá bán bình quân: 50.799.057 VND/tấn.

Do:

+ Sản lượng tiêu thụ quý IV/2025 thấp hơn quý IV/2024. Và giá bán bình quân thấp hơn quý IV/2024.

(giá bán bình quân quý IV/2025 giảm: 2.656.072 VND/tấn hay giảm: 4,97 % so với quý IV/2024).

+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý IV/2025 giảm : 55.365.319.587 VND hay giảm 44,31% so với quý IV/2024.
(do Sản lượng tiêu thụ giảm mạnh so với cùng kỳ).

+ Lợi nhuận khác quý IV/2025 tăng : 17.539.893.946 VND hay tăng: 271,56 % so với quý IV/2024.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 giảm : 47.081.633.565 VND hay giảm : 38,79% so với quý IV/2024.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu (b)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Hồ Cường